

BTVN 22.3 Mi-li-mét vuông



Bài 1. Mi-li-mét vuông được kí hiệu là:

A. mm^2

B. mm

C. m^2

D. m

Bài 2. $1\,508\text{mm}^2$ được đọc là:

A. Một trăm năm mươi tám mi-li-mét vuông.

B. Một nghìn năm trăm linh tám mi-li-mét vuông.

C. Một nghìn năm trăm linh tám mét vuông.

D. Một nghìn năm trăm linh tám mi-li-mét.



Bài 3. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

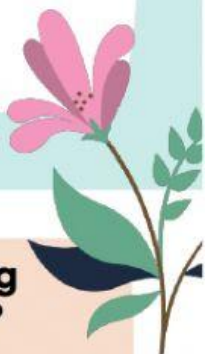
$$800\text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

A. 8 000

B. 800

C. 80

D. 8



Bài 4. Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 4dm và chiều rộng 30cm. Hỏi tấm bìa đó có diện tích là bao nhiêu mi-li-mét vuông?

Bài giải

Đáp số:

mm^2

